

# THỰC TRẠNG DOANH NGHIỆP TỈNH NGHỆ AN VÀ CÁC GIẢI PHÁP THÁO GỖ KHÓ KHĂN TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

Ths. Trần Văn Hào, Ths. Nguyễn Thị Thu Cúc

Trường đại học Vinh

tranvanhaodhv@gmail.com

Trong những năm qua, tình hình kinh tế - xã hội của Nghệ An đã có nhiều sự thay đổi nhờ sự đóng góp to lớn của cộng đồng doanh nghiệp (DN). Trong bối cảnh suy thoái kinh tế toàn cầu, các DN cả nước nói chung và các DN Nghệ An nói riêng đã và đang gặp phải rất nhiều khó khăn.

Để làm rõ tình hình hoạt động các DN Nghệ An, tác giả giới thiệu bức tranh tổng quát về thực trạng hoạt động của DN Nghệ An, về những kết quả đạt được, những khó khăn, tồn tại và các nguyên nhân cũng như đề xuất một số giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn, khắc phục tồn tại cho các DN Nghệ An trong giai đoạn hiện nay.

**Từ khóa:** doanh nghiệp Nghệ An

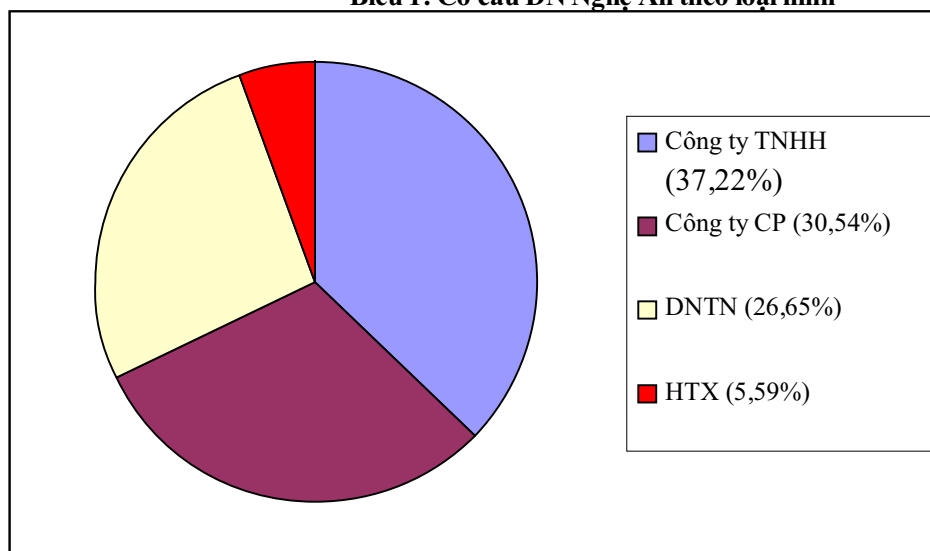
Giai đoạn 2006-2010, DN Nghệ An có bước phát triển mạnh cả về số lượng và quy mô, tốc độ tăng trưởng bình quân cả giai đoạn đạt 30,59%/năm. Năm 2011, Nghệ An đã thành lập mới 1.303 DN, 6 tháng đầu năm 2012 thành lập mới 511 doanh nghiệp, giảm 22,34% so với cùng kỳ năm 2011. Đến

nay, toàn tỉnh có 9.894 doanh nghiệp và 592 Hợp tác xã được thành lập (gọi chung là DN; không tính chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh).

## 1. Cơ cấu DN

- Theo loại hình DN, có 37,22% Công ty trách

**Biểu 1: Cơ cấu DN Nghệ An theo loại hình**



Nguồn: Sở KH và ĐT Nghệ An

nhiệm hữu hạn (trong đó CTTNHH 1 thành viên 15,06%, CTTNHH 2 thành viên trở lên 22,16%), Công ty cổ phần 30,54%, DN tư nhân 26,65%, Hợp tác xã 5,59%.

- Cơ cấu theo ngành kinh tế và lĩnh vực hoạt động, DN của Nghệ An hoạt động đa ngành nghề, chiếm tỷ trọng lớn nhất là lĩnh vực thương mại, dịch vụ (44,61%); xây dựng, bao gồm cả tư vấn (27,35%); công nghiệp khai thác, chế biến (14,94%); còn lại là các ngành nghề khác. Khác với các năm trước, năm 2012 không có DN đăng ký hoạt động kinh doanh bất động sản.

Nhìn vào bảng 1, ta thấy loại hình kinh doanh dịch vụ, thương mại thường được các DN lựa chọn bởi đây là các ngành nghề thường mang lại tỷ suất lợi nhuận cao, vốn đầu tư không nhiều (trừ một số loại hình như dịch vụ vận tải...), có thể dễ dàng thay đổi loại hình dịch vụ, địa điểm kinh doanh... Mặt khác, đây là lĩnh vực thường không đòi hỏi cao về

mặt bằng, công nghệ, nhân lực...

Lĩnh vực công nghiệp, sản xuất, xây dựng cơ bản cũng được lựa chọn nhiều, điều này cũng phù hợp với xu hướng phát triển chung của đất nước, đặc biệt trong thời kỳ CNH- HĐH vấn đề xây dựng cơ sở hạ tầng, các trung tâm công nghiệp, hệ thống giao thông cầu, đường,... các khu chung cư, nhà ở dân dụng đã được triển khai khá mạnh mẽ.

- Theo địa bàn, các DN của Nghệ An đăng ký và hoạt động chủ yếu ở vùng đồng bằng. Khu vực đồng bằng chiếm tỷ lệ 74,8%, riêng thành phố Vinh chiếm 47,95%; Khu vực miền núi chiếm 25,2%, trong đó vùng núi cao chỉ chiếm 2,86% tổng số DN.

- Xét về quy mô DN, theo số liệu đăng ký, 100% các DN đăng ký hoạt động có quy mô nhỏ và siêu nhỏ; trong đó 52,15% DN siêu nhỏ (sử dụng dưới 10 lao động) và 47,85% DN nhỏ. Vốn điều lệ đăng ký bình quân 1 DN đạt 3,93 tỷ đồng. Vốn điều lệ đăng ký bình quân một DN khi thành lập năm 2005

**Bảng 1: Cơ cấu DN phân theo lĩnh vực hoạt động**

ĐVT: %

TT	Lĩnh vực hoạt động	2006	2007	2008	2009	2010
1	Nông nghiệp và lâm nghiệp	1,93	1,60	9,23	8,33	7,40
2	Thủy sản	0,45	0,44	0,31	0,32	0,26
3	Công nghiệp khai thác mỏ	4,36	5,81	4,19	3,68	3,17
4	Công nghiệp chế biến	10,46	9,99	9,95	9,80	11,45
5	SX và PP điện, khí đốt, nước	1,04	4,18	3,07	2,18	1,76
6	Xây dựng	22,99	21,42	20,97	22,87	26,43
7	Thương nghiệp và SC xe có động cơ, SC đồ dùng gia đình	38,45	35,19	32,86	32,17	29,06
8	Khách sạn và nhà hàng	4,86	4,50	3,91	4,15	5,02
9	Vận tải, kho bãi và thông tin liên lạc	5,10	5,12	3,89	4,63	4,58
10	Tài chính, tín dụng	3,32	3,45	2,15	2,27	1,94
11	Hoạt động khoa học và công nghệ	0	0	0,33	0,36	0,35
12	Hoạt động KD tài sản và dịch vụ tư vấn	5,59	6,94	7,36	7,6	7,05
13	Lĩnh vực khác	1,10	1,41	1,79	1,72	1,53

Nguồn: Cục Thống kê Nghệ An

**Bảng 2: Cơ cấu DN của Nghệ An tính theo địa bàn giai đoạn 2006 - 2011**

Các DN	2006	2007	2008	2009	2010	2011
<b>Tổng số</b>	<b>2387</b>	<b>2932</b>	<b>3631</b>	<b>4783</b>	<b>6674</b>	<b>7514</b>
Thành phố Vinh	1200	1426	1721	2200	3170	3720
Các huyện, thị xã khác	1178	1506	1910	2583	3504	3794
<b>Theo tỷ lệ %</b>						
Thành phố Vinh	50.27	48.64	47.40	46.00	47.50	49.51
Các huyện, thị xã khác	49.35	51.36	52.60	54.00	52.50	50.49

Nguồn: Cục thuế Nghệ An

là 1,58 tỷ đồng, năm 2010 là 3,6 tỷ đồng và năm 2011 là 4,2 tỷ đồng. Vốn SXKD bình quân một DN năm 2005 đạt 10,9 tỷ đồng, năm 2010 đạt 18,9 tỷ đồng và năm 2011 là 20,5 tỷ đồng.

- Về DN có vốn đầu tư nước ngoài: Có 54 DN đến từ các quốc gia và vùng lãnh thổ đang thực hiện các dự án đầu tư ở tỉnh Nghệ An, gồm: Trung Quốc, Hàn Quốc, Đài Loan, Nhật Bản, Ấn Độ, Hà Lan, Canada, Singapore, Thái Lan và một số nước khác.

- Về DNNN, hơn 10 năm qua, Nghệ An đã cơ bản thực hiện hoàn thành Đề án sắp xếp, đổi mới DNNN thuộc tỉnh quản lý, do Chính phủ phê duyệt. Tổng số DNNN được sắp xếp, chuyển đổi hình thức sở hữu là 169 DN. Trong đó: Cổ phần hóa 86 DN, giao bán khoán 9 DN, giải thể 5 DN, sáp nhập 31 DN, phá sản 2 DN, chuyển đổi thành Công ty TNHH 1 thành viên 26 DN.

Hiện nay, toàn tỉnh có 32 DNNN, trong đó có 26 DN 100% vốn nhà nước, 6 DN Nhà nước giữ trên 50% vốn điều lệ. Về cơ cấu ngành kinh doanh có 21 DN thuộc ngành nông nghiệp, 5 DN cấp nước, còn lại là các lĩnh vực khác. Theo số liệu của Sở Tài chính, tổng vốn Nhà nước chủ sở hữu trong các DN này là 2.080 tỷ đồng.

#### Tình hình hoạt động của DN

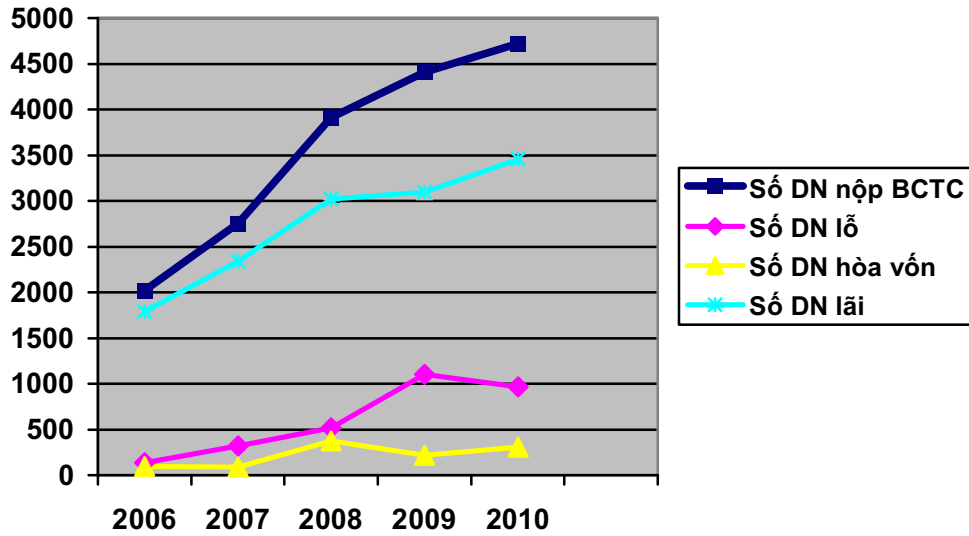
Đến nay, toàn tỉnh có 6.542 DN và HTX đang hoạt động, chiếm 62,38% tổng số thành lập. Sự lớn mạnh phát triển của các DN thời gian qua đã góp phần hết sức quan trọng trong việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế, giải quyết việc làm cho lao động, góp phần thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội, đóng góp vào GTSX, thu ngân sách của tỉnh. Hoạt động của các DN đã phục vụ tốt cho nhu cầu sản xuất, xuất khẩu, tạo tài sản cố định của các dự án đầu tư

**Bảng 3: Kết quả hoạt động SXKD của DN từ năm 2006 – 2010**

Chi tiêu	Lũy kế số lượng DN thành lập	Số lượng DN hoạt động	Số DN nộp BC tài chính tại Cục thống kê	DN lãi		DN lỗ		DN hòa vốn
				Số lượng	Lãi bình quân 1 DN (triệu đồng)	Số lượng	Lỗ bình quân 1 DN (triệu đồng)	
Năm								
2006	4,221	2,387	2,018	1,789	321	137	-309	92
2007	5,092	2,932	2,754	2,342	321	322	-1376	90
2008	5,992	3,631	3,911	3,018	344	517	-288	376
2009	7,279	4,783	4,408	3,094	497	1,099	-467	215
2010	8,635	6,674	4,724	3,453	531	967	-663	304

Nguồn: Cục Thuế Nghệ An, Cục Thống kê Nghệ An, Sở KH&ĐT Nghệ An

**Hình 2: Kết quả KD của các DN 2006 - 2010**



và các nhu cầu tiêu dùng dân sinh trong tỉnh.

Mặc dù gặp nhiều khó khăn trong SXKD, nhưng trong giai đoạn vừa qua số lượng DN làm ăn có lãi luôn chiếm ưu thế so với số DN bị lỗ hoặc hòa vốn. Điều này thể hiện sự nỗ lực rất lớn của các DN của Nghệ An.

## 2. Kết quả đạt được

- Về giá trị sản xuất và giá trị nộp Ngân sách Nhà nước: So với năm 2006, có 2.378 DN tham gia nộp thuế đạt 1.088 tỷ đồng, chiếm 59,79% tổng thu ngân sách trên địa bàn, trong đó thu nội địa chiếm 36,21%, thu thuế XNK chiếm 23,58%. Đến năm 2010, số liệu tương ứng là: 6.322 DN, đóng góp

2.645 tỷ đồng, chiếm 51,99%, trong đó thu nội địa chiếm 37,96%, thu thuế XNK chiếm 14,03%. Năm 2011, có 6.569 DN hoạt động, tổng giá trị sản xuất theo giá hiện hành ước đạt 46.212 tỷ đồng, đóng góp 45,81% GDP toàn tỉnh; đóng góp cho ngân sách 3.417 tỷ đồng chiếm 50,23% tổng thu trên địa bàn, trong đó từ thu nội địa 40,1%, từ thu thuế xuất nhập khẩu 10,13%. Tính riêng các DNNN do tỉnh quản lý nộp ngân sách được 199,815 tỷ đồng, trong đó thu từ thuế XNK của Công ty cổ phần Thương mại Nghệ An là 139 tỷ đồng, thu nội địa 60,815 tỷ đồng.

Riêng 6 tháng năm 2012, các DN đóng góp khoảng 42,85% GTSX toàn tỉnh; nộp thuế nội địa

**Bảng 4: Nộp ngân sách hàng năm của các DN tỉnh Nghệ An**

TT	Thu Ngân sách	ĐVT	2006	2007	2008	2009	2010	2011
1	Tổng thu ngân sách	Tỷ đồng	1820	2334	2706	3529	5087	6802
2	Thu từ các DN	Tỷ đồng	1088	1335	1370	1901	2645	3417
-	Thu nội địa	Tỷ đồng	659	766	934	1355	1931	2727
-	Thu thuế XNK	Tỷ đồng	429	569	436	546	714	690
3	Tỷ trọng thu NS từ các DN	%	59,79	57,21	50,63	53,87	51,99	50,23

Nguồn: Cục thuế, Cục Hải quan Nghệ An

1.716 tỷ đồng tăng 3,6% so với cùng kỳ; nộp thuế xuất khẩu 330 tỷ đồng, giảm 16,7% so với cùng kỳ năm 2011.

- *Về hoạt động XNK*: kim ngạch xuất khẩu hàng hóa khu vực DN Nghệ An đạt thấp, năm 2010 mới chỉ có hơn 100 DN tham gia hoạt động xuất khẩu, kim ngạch đạt được 386,4 triệu USD; trong đó xuất khẩu hàng hóa đạt 168,1 triệu USD; bình quân kim ngạch xuất khẩu/DN chỉ đạt từ 1-1,68 triệu USD/năm. Trong số hơn 100 DN xuất khẩu hàng hóa, có 50 DN hoạt động xuất khẩu 3 năm liên tục. Số còn lại hoạt động xuất khẩu không thường xuyên, chủ yếu nhỏ lẻ, kim ngạch chỉ đạt vài nghìn USD.

Năm 2011, trên địa bàn Nghệ An có 124 DN tham gia hoạt động xuất nhập khẩu, đạt 483,3 triệu USD kim ngạch xuất khẩu, 134,4 triệu USD kim ngạch nhập khẩu. Trong đó, xuất khẩu hàng hóa đạt 227,7 triệu USD; 6 tháng năm 2012 kim ngạch xuất khẩu đạt 112,859 triệu USD, tăng 10,88% so với cùng kỳ. Trong đó, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tăng 58,08%, kinh tế tư nhân tăng 6,85%, kinh tế nhà nước tăng 12,42%, kinh tế tập thể bằng 14,58% cùng kỳ. 41,28% so với cùng kỳ, khu vực kinh tế tư nhân tăng 0,03%, khu vực kinh tế nhà nước giảm 18,64% so với cùng kỳ.

- *Về giải quyết việc làm cho người lao động*: có thể nói sự tăng nhanh về số lượng DN đã tạo ra nguồn thu hút lao động và tạo việc làm hết sức quan trọng, góp phần giải quyết nhiều vấn đề về đời sống nhân dân và xã hội. Nếu như năm 2006, số lao động trong khu vực DN có khoảng 72.000 người, chiếm tỷ trọng 4,72% lao động toàn xã hội, năm 2010 tăng lên khoảng 147.000 người, chiếm tỷ trọng 9% lao động toàn xã hội, đến năm 2011 khối DN đã góp phần giải quyết việc làm cho 177 ngàn lao động, chiếm tỷ trọng 11% lao động toàn xã hội; và 6 tháng đầu năm 2012 lực lượng lao động tại các DN cầm chừng, không tăng lên do số DN thành lập ít, tương đương số DN giải thể; có nhiều DN tạm ngừng KD.

Lao động và việc làm ngày càng đóng vai trò quan trọng trong việc đánh giá thị trường lao động nói riêng và nền kinh tế quốc dân nói chung. Sự gia tăng nhanh chóng số lượng DN từ năm 2000 trở lại đây đã làm gia tăng nhanh lực lượng lao động làm việc trong khu vực này.

Mặc dầu năm 2011 là một năm khó khăn, song số

lượng lao động trong các DN vẫn tăng so với trước. Bước sang năm 2012, chủ yếu các DN vẫn duy trì lực lượng lao động trong DN mình. Với số lượng lao động chủ yếu xoay quanh mức từ 5 đến dưới 50 người/ DN (chiếm 23,77% và 34,88%), cho thấy đây là quy mô vừa phải, dễ quản lý nên được nhiều DN lựa chọn.

### 3. Khó khăn và tồn tại, hạn chế

Có thể nói, hoạt động SXKD của DN những tháng đầu năm nay tiếp tục gặp nhiều khó khăn do giá cả thị trường thiếu ổn định, yếu tố đầu vào tăng cao, thời tiết mưa rét kéo dài; lãi suất ngân hàng tuy đã giảm dần, nhưng vẫn ở mức cao, ảnh hưởng đến khả năng vay vốn và chi phí đầu vào của DN; Việc thực hiện cắt giảm đầu tư công theo Nghị quyết 11 của Chính phủ đã ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của các DN, đời sống, việc làm của người lao động. Các chỉ tiêu SXKD của nhiều DN đạt thấp so với cùng kỳ, nhiều DN mất khả năng thanh toán, giải thể, tạm ngừng hoạt động.

Theo số liệu rà soát của 3 cơ quan: Cục Thống kê, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế, cho đến nay đã có 3.944 DN đã giải thể, đóng mã số thuế (chiếm 37,62%) và 985 DN tạm dừng kinh doanh. Chỉ tính riêng năm 2011, có 680 DN tạm ngừng sản xuất kinh doanh, 665 DN đóng mã số thuế. 6 tháng đầu năm 2012, có 985 DN tạm ngừng sản xuất kinh doanh, 553 DN đóng mã số thuế, tăng gấp 2,37 lần so với cùng kỳ năm 2011. Trong số các DN đã giải thể có 72,15% DN siêu nhỏ và 27,85% DN quy mô nhỏ.

Theo ngành nghề có 0,52% DN kinh doanh bất động sản, 14,02% DN hoạt động xây dựng, 37,63% DN dịch vụ thương mại, 6,53 DN khai thác 10,02% DN chế biến và 31,28% sản xuất kinh doanh các lĩnh vực khác. Tỷ lệ DN giải thể tính theo ngành nghề tương xứng với cơ cấu DN thành lập, không có biến động bất thường xảy ra.

- Khó khăn lớn nhất hiện nay của doanh nghiệp là hoạt động phụ thuộc chủ yếu vào vốn vay, trong khi đó lãi suất ngân hàng cao, quy mô DN nhỏ, thiếu các điều kiện đảm bảo, báo cáo tài chính thiếu minh bạch gây khó khăn cho DN trong việc tiếp cận nguồn vốn. Một số DN chưa chấp hành tốt việc vay trả nợ, ảnh hưởng đến chất lượng tín dụng của các Ngân hàng, nợ xấu có xu hướng tăng lên. Năm 2011, tổng số nợ xấu tại các tổ chức tín dụng trên

địa bàn là 966 tỷ đồng, chiếm 1,6 %, cuối tháng 6/2012 tăng lên 2.125 tỷ đồng, chiếm 3,3% trong tổng dư nợ, tăng 1.075 tỷ đồng so với đầu năm. Tuy nhiên, ngay cả khi DN có hoặc tiếp cận được vốn thì cũng phải đối mặt với nhiều khó khăn trong việc sử dụng vốn do thị trường bị thu hẹp, sản xuất kinh doanh bị đình trệ.

- Về mặt bằng sản xuất kinh doanh: chi phí thuê đất, đền bù giải phóng mặt bằng tăng cao do Chính phủ điều chỉnh giá đất ảnh hưởng đến chi phí sản xuất, kinh doanh của DN. Thủ tục hành chính trong giao dịch cấp đất, thuê đất nhiều vướng mắc, chậm trễ. Cơ sở hạ tầng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp còn bất cập, các tuyến đường quy hoạch quanh dự án chưa được đầu tư theo cam kết, nhiều vướng mắc, khó khăn của DN chưa được xử lý kịp thời trong đó khó khăn nhất là giải phóng mặt bằng.

- Về thị trường: khả năng tiếp cận thị trường hạn chế do tiêu dùng xã hội giảm. Đặc biệt là các DN liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu. DN hoạt động trong lĩnh vực xây dựng và kinh doanh bất động sản: Thị trường bất động sản suy thoái, các sản phẩm bất động sản không tiêu thụ được, trong khi chi phí đầu vào, lãi suất, giá cả tăng cao, các công trình xây dựng cơ bản bị cắt giảm kinh phí, công trình đã hoàn thành nghiệm thu bị chậm thanh toán, nợ xây dựng cơ bản còn cao.

- Về thủ tục hành chính và cơ chế chính sách: thủ tục hành chính vẫn còn bất cập, phần nào gây cản trở cho DN. Sự phối hợp giữa các ngành trong việc xử lý các vấn đề cho DN, nhà đầu tư còn hạn chế, kéo dài thời gian làm ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động đầu tư kinh doanh của DN, nhất là trong các giao dịch cấp đất, thuê đất, giải phóng mặt bằng.

Chính phủ ban hành Nghị quyết số 11 thực hiện chính sách tiền tệ chặt chẽ, thận trọng; chính sách tài khoá thắt chặt, cắt giảm đầu tư công, giảm chi ngân sách... nhằm tập trung kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô và bảo đảm an sinh xã hội, nhưng cũng kéo theo hệ lụy ảnh hưởng lớn đến các DN trên địa bàn tỉnh Nghệ An, chủ yếu dựa vào đầu tư công và nguồn vốn vay, nhất là các DN hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, bất động sản, DN kinh doanh vật liệu xây dựng, tư vấn ngành xây dựng, DN thương mại...

- Về quy mô, thiết bị và năng lực quản trị doanh nghiệp: DN của Nghệ An có quy mô nhỏ bé, vốn ít,

công nghệ lạc hậu, nhưng lại chậm đầu tư đổi mới nên khả năng cạnh tranh kém. Cơ cấu ngành nghề của các DN chưa hợp lý, số DN tập trung vào lĩnh vực xây dựng, hoạt động khoáng sản đang còn lớn; DN sản xuất, chế biến ít, nhất là DN sản xuất, chế biến nông lâm nghiệp (chỉ chiếm 5,4%); DN sản xuất, chế biến thủy hải sản (chỉ chiếm 0,26%). Có không ít DN thành lập và hoạt động nhằm lợi dụng những sơ hở của cơ chế chính sách của Nhà nước, làm ăn theo kiểu chộp giật, tổ chức bộ máy và kinh doanh theo kiểu gia đình.

Năng lực quản trị DN yếu, một bộ phận doanh nhân chưa năng động, thiếu nắm bắt thông tin dự báo; thiếu kiến thức pháp luật, kiến thức khởi sự DN. Việc tiếp nhận, cập nhật thông tin về các thị trường đầu vào (vốn, lao động, nguyên vật liệu, thiết bị, công nghệ) và đầu ra chưa kịp thời. Chưa ứng dụng rộng rãi công nghệ thông tin trong quản lý DN. Nhiều DN chưa có chiến lược kinh doanh dài hạn. Có không ít DN thiếu minh bạch tài chính, công tác tài chính kế toán còn mang tính đối phó với các cơ quan chức năng.

Nhiều doanh nghiệp vi phạm quy định pháp luật, chưa đảm bảo được quyền, lợi ích chính đáng, hợp pháp của người lao động. Đời sống công nhân tại các nhà máy, khu công nghiệp trong tỉnh khó khăn, việc làm không ổn định. Tình trạng nợ lương, chậm lương, làm thêm giờ kéo dài... chậm được khắc phục và do đó làm gia tăng tình trạng bãi công của công nhân. Nhiều DN vi phạm các quy định về môi trường, an toàn lao động nhất là các DN ngành xây dựng, khai thác mỏ, trang trại chăn nuôi. Số DN thành lập tổ chức công đoàn chiếm tỷ lệ rất thấp. Chỉ có 36,09% số DN đăng ký tham gia BHXH cho người lao động.

Nợ thuế, nợ đọng bảo hiểm xã hội kéo dài đang trở nên phổ biến. Đến nay, các DN còn nợ thuế gần 1.000 tỷ đồng, trong đó nợ thuế xuất nhập khẩu quá hạn gần 42 tỷ đồng, nợ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp 176,62 tỷ đồng, trong đó nợ trên 3 tháng 92,923 tỷ đồng, chiếm 52,61%.

Các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp và khu kinh tế Đông Nam còn gặp khó khăn do nguồn điện, nước thiếu, không ổn định; chưa có khu gom rác thải, xử lý nước thải tập trung; chưa có nhà ở tập trung cho công nhân; chưa có phương tiện giao thông công cộng cho nhu cầu đi lại của người lao

động.

#### **4. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế:**

##### **4.1. Nguyên nhân khách quan**

+ Cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu đã tác động tiêu cực đến nền kinh tế nước ta, trong đó, bị ảnh hưởng nặng nề nhất là khu vực doanh nghiệp.

+ Nghệ An là tỉnh có xuất phát điểm thấp; diện tích rộng song chủ yếu là miền núi, kinh tế kém phát triển, đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn, xa các cực tăng trưởng của cả nước.

+ Hệ thống pháp luật và chính sách quản lý, điều hành kinh tế vĩ mô của Nhà nước trong một số lĩnh vực liên quan đến DN vẫn còn một số tồn tại và bất cập; tính ổn định thấp gây bất lợi cho DN.

##### **4.2. Nguyên nhân chủ quan**

- Quy mô doanh nghiệp nhỏ bé, vốn ít, chậm đầu tư đổi mới công nghệ. Nhiều doanh nghiệp có sản phẩm với chất lượng hạn chế, khó cạnh tranh trên thị trường khu vực và quốc tế.

- Về ngành nghề, lĩnh vực hoạt động nhìn chung doanh nghiệp phát triển không đều. Phần lớn doanh nghiệp tập trung vào lĩnh vực xây dựng, dịch vụ; doanh nghiệp sản xuất, chế biến ít, nhất là doanh nghiệp sản xuất, chế biến nông lâm nghiệp (chiếm 7,4%); doanh nghiệp sản xuất, chế biến thủy hải sản (chiếm 0,26%).

- Nhiều doanh nghiệp thiếu lao động kỹ thuật cao. Trình độ quản lý, hiểu biết pháp luật của đội ngũ doanh nhân, quản lý doanh nghiệp còn hạn chế. Số doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả cao ít, đóng góp ngân sách hàng năm chưa tương xứng với số lượng doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Mức đầu tư để đổi mới công nghệ còn thấp, chiếm phần nhỏ trong tổng chi phí doanh nghiệp bỏ ra.

- Khả năng tiếp cận nguồn vốn vay của ngân hàng đối với các doanh nghiệp còn hạn chế, còn có sự phân biệt giữa doanh nghiệp nhà nước và các doanh nghiệp ngoài nhà nước.

- Cơ sở hạ tầng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp còn bất cập, chưa hấp dẫn để thu hút nhiều doanh nghiệp vào đầu tư sản xuất kinh doanh.

- Công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp chưa được quan tâm đúng mức, thiếu kiểm tra giám sát thường xuyên; nhiều vướng mắc, khó

khăn của doanh nghiệp chưa được xử lý kịp thời.

#### **5. Giải pháp tháo gỡ khó khăn và khắc phục hạn chế cho các DN của Nghệ An trong giai đoạn hiện nay**

Để tháo gỡ khó khăn và khắc phục hạn chế cho các DN của Nghệ An trong bối cảnh hiện nay, cần thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp, gồm cả sự cố gắng nỗ lực của bản thân từng DN và sự hỗ trợ từ các cơ quan quản lý Nhà nước địa phương.

##### **5.1. Các giải pháp về phía các DN**

- Các DN cần đánh giá lại chiến lược kinh doanh gắn với sự di chuyển dòng tiền, vốn tín dụng, mặt bằng lãi suất để có chiến lược kinh doanh dài hạn, ngắn hạn hợp lý; điều chỉnh cơ cấu sản phẩm phù hợp với nhu cầu của thị trường, ưu tiên những mặt hàng có khả năng xoay vòng vốn nhanh nhất. Mỗi DN phải chủ động tái cơ cấu chính mình phù hợp với sự thay đổi của thị trường.

- Liên doanh, liên kết với các DN có tiềm lực tài chính khác để nâng cao năng lực tài chính. Đa dạng hóa huy động nguồn vốn đầu tư phục vụ cho sản xuất kinh doanh. Tăng cường công tác quản lý, tiết kiệm chi tiêu, sử dụng vốn hợp lý, hiệu quả, tiết giảm nhân lực kết hợp tăng năng suất lao động.

- Mạnh dạn đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ nâng cao năng lực sản xuất, chất lượng sản phẩm, kiểu dáng mẫu mã đủ sức cạnh tranh trên thị trường; xây dựng phương án bán hàng hợp lý nhằm chia sẻ khó khăn với khách hàng và thúc đẩy phát triển thị trường, tăng khả năng thanh khoản cho các giao dịch.

- Coi trọng việc đào tạo nâng cao trình độ kỹ thuật, quản lý, quản trị doanh nghiệp, văn hóa kinh doanh cho cán bộ công nhân viên bằng cách khuyến khích việc tự học thêm, tham gia tích cực các lớp tập huấn do các cấp ngành tổ chức hỗ trợ DN, tích cực cập nhật thông tin, dự báo tình hình nắm bắt kịp thời diễn biến nhu cầu thị trường.

- Khởi sự kinh doanh cần nghiên cứu kỹ các quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh và các địa phương, quy hoạch ngành, lựa chọn địa điểm, đối tác, lĩnh vực hoạt động... gắn với hiệu quả kinh tế.

##### **5.2. Các giải pháp về phía các cơ quan quản lý Nhà nước**

- Hoàn thiện môi trường pháp lý hỗ trợ DN, Tiếp tục rà soát tinh giản thủ tục hành chính, nhất là trên

các lĩnh vực thu hút đầu tư, xây dựng cơ bản, quản lý đất đai, tài chính, theo hướng giải quyết công việc thuận lợi nhất, nhanh nhất cho DN và các nhà đầu tư.

- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện sắp xếp, đổi mới hoạt động của các DN nhà nước do tỉnh quản lý, đảm bảo bảo toàn vốn, DN hoạt động có hiệu quả.

- Ban hành Quy chế phối hợp giữa các ngành các cấp trong công tác quản lý nhà nước đối với DN trên địa bàn tỉnh; Văn bản chỉ đạo tăng cường công tác quản lý nhà nước và các giải pháp tháo gỡ khó khăn đối với DN trên địa bàn tỉnh.

- Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng phục vụ tốt việc cung cấp dịch vụ công tại các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan nhất là tại ngành Thuế, Hải quan, Đăng ký kinh doanh.

- Tháo gỡ khó khăn về mặt bằng sản xuất hỗ trợ DN đầu tư vào các khu cụm CN. Ưu tiên bố trí nguồn vốn ngân sách nhà nước đầu tư các công trình hạ tầng cho các dự án, nhà máy sớm đi vào hoạt động, tập trung cho lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn. Quy hoạch bố trí mặt bằng cho sản xuất kinh doanh của DN. Đầu tư xây dựng hạ tầng các KCN, CCN. Rà soát, bổ sung các cơ chế chính sách nhằm khai thác hợp lý, hiệu quả quỹ đất và các nguồn tài nguyên, thu hút vốn đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, tạo thuận lợi cho các DN, nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư vào Nghệ An.

- Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho cán bộ công chức quản lý doanh nghiệp, cho doanh nhân. Thông qua các cuộc tập huấn, website của các ngành để cập nhật, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật. Hàng năm, ưu tiên bố trí ngân sách tổ chức các lớp đào tạo khởi sự DN cho bộ phận DN mới thành lập; tuyên truyền các văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của DN và những văn bản hướng dẫn của các bộ, ngành Trung ương, của tỉnh cho doanh nhân, công chức, viên chức các cấp, các ngành trên địa bàn tỉnh nhằm nâng cao kiến thức pháp luật cho cán bộ công chức,

cán bộ quản lý DN.

- Củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của các trung tâm hỗ trợ doanh nghiệp. Tổ chức tốt các hoạt động của Ban Chỉ đạo phát triển DN nhỏ và vừa của tỉnh. Rà soát tổ chức bộ máy, bổ sung chức năng nhiệm vụ của các Trung tâm liên quan đến hỗ trợ DN như: Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Tư vấn phát triển, Trung tâm Xúc tiến du lịch, Trung tâm Xúc tiến thương mại, Trung tâm Khuyến công, Trung tâm Tư vấn và Hỗ trợ tài chính, Trung tâm Công nghệ thông tin; bổ sung cán bộ có chuyên môn, trình độ, đầu tư kinh phí và các điều kiện, nâng cao chất lượng hoạt động của các trung tâm.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp. Tiếp tục hỗ trợ DN ứng dụng khoa học công nghệ; bồi dưỡng đội ngũ doanh nhân, nghiên cứu mở rộng thị trường, rà soát, điều chỉnh, bổ sung các cơ chế chính sách, các loại quy hoạch của tỉnh. Thực hiện Quy hoạch phải đi trước một bước, công khai trên cổng thông tin điện tử của tỉnh và các ngành, tạo điều kiện tốt nhất cho các DN, nhà đầu tư tiếp cận thông tin và cơ hội đầu tư kinh doanh trên địa bàn, đồng thời định hướng phát triển DN theo quy hoạch.

- Tiếp tục chỉ đạo các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành, phối hợp với các đơn vị liên quan thường xuyên kiểm tra việc chấp hành pháp luật tại các DN. Kiểm tra điều kiện kinh doanh theo quy định đối với DN, tập trung vào một số lĩnh vực: hành nghề y dược tư nhân, tư vấn xây dựng, kinh doanh xăng dầu, môi giới việc làm, xuất khẩu lao động, dịch vụ bảo vệ, dịch vụ cầm đồ...

- Chủ động gặp gỡ, trao đổi và lắng nghe các phản hồi, phản ánh từ DN, đa dạng hóa các hình thức đối thoại để giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc của các DN và hoàn thiện cơ chế, chính sách của tỉnh. Coi việc đối thoại, gặp gỡ DN nhằm cung cấp thông tin hai chiều, kịp thời tháo gỡ vướng mắc khó khăn cho DN là việc làm thường xuyên của các cấp các ngành. □

#### **Tài liệu tham khảo:**

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nghệ An: Báo cáo tình hình thực hiện Luật DN , tháng 10 năm 2012.
2. UBND tỉnh Nghệ An, Báo cáo tình hình doanh nghiệp Nghệ An từ năm 2011 đến nay, tháng 12 năm 2012.